Các thuật ngữ, khái niệm Vi Diệu Pháp

Bửu Thông

1. Pháp

Là tất cả sự vật, hiện tượng

2. Pháp tục đế

Là các tên gọi, khái niệm của thế gian, là sự thật chế định, sự thật quy ước.

Đây là sự thật quy ước, bị giới hạn bởi không gian, thời gian, không đúng với tất cả, mà chỉ phù hợp với một số đối tượng, thời kỳ nhất định.

3. Pháp chân đế

Là sự vật, hiện tượng thuộc về sự thật tuyệt đối, sự thật tối hậu, sự thật của sự thật, không qua sự quy ước.

Đây là sự thật tuyệt đối, không bị giới hạn bởi không gian, thời gian, luôn đúng với tất cả mọi đối tượng, thời kỳ.

4. Chân đế vô vi

Là sự vật, hiện tượng thuộc về sự thật tuyệt đối, không có tính chất sanh diệt, không chịu sự chi phối, tạo tác của các nhân duyên.

5. Chân đế hữu vi

Là sự vật, hiện tượng thuộc về sự thật tuyệt đối, có tính chất sanh diệt, chịu sự chi phối, tạo tác của các nhân duyên.

6. Sắc pháp

Là sự vật, hiện tượng liên quan tới vật chất.

7. Danh pháp

Là sự vật, hiện tượng liên quan tới tinh thần.

Danh pháp này chỉ cho Danh pháp hữu vi, không bao gồm Danh pháp vô vi.

8. Sở hữu tâm

Là những hiện tượng tâm lý, phản ứng của tâm, trạng thái tâm lý xảy ra khi tâm tiếp xúc với cảnh, phụ thuộc vào tâm.

Có 4 tính chất: đồng sanh, đồng diệt, đồng cảnh, đồng vật (trừ trường hợp cõi vô sắc) với tâm.

9. Tâm

Sự biết cảnh.

Tâm chỉ có 1, nhưng tùy vào từng trường hợp tâm kết hợp với những sở hữu nào, biết cảnh gì, có nhiệm vụ gì, có cảm thọ ra sao… mà chia thành 121 thứ tâm.

10. Tâm siêu thế

Tâm chỉ chuyên biết cảnh vượt ngoài thế gian, tức cảnh Niết-bàn.

11. Tâm hiệp thế

Tâm thường biết cảnh hợp với thế gian, nằm trong thế gian *.

(* Một số tâm trong nhóm này có thể biết thêm cảnh Siêu Thế).

12. Tâm đáo đại

Sự biết cảnh đến lớn, tức cảnh đề mục thiền sắc giới, vô sắc giới (30 đề mục đắc thiền) *

(Định nghĩa và phân tích tâm đáo đại nói chung sẽ không xét tới 2 tâm thông, đây là 2 tâm đặc biệt, có thể biết nhiều cảnh khác).

13. Tâm dục giới

Sự biết cảnh lục trần, lục dục, thường biết cảnh Dục Giới *

(* Một số tâm trong nhóm này có thể biết thêm cảnh Đáo Đại, Siêu Thế, Tục đế).

14. Tâm dục giới tịnh hảo

Sự biết cảnh lục trần, lục dục, thường biết cảnh Dục Giới *, có các trạng thái tâm lý thanh tịnh, tốt đẹp (có 25 sở hữu tịnh hảo đồng sanh).

(* Một số tâm trong nhóm này có thể biết thêm cảnh Đáo Đại, Siêu Thế, Tục đế).

15. Tâm dục giới vô tịnh hảo

Sự biết cảnh lục trần, lục dục, thường biết cảnh Dục Giới *, không có các trạng thái tâm lý thanh tịnh, tốt đẹp (không có 25 sở hữu tịnh hảo đồng sanh).

(* Một số tâm trong nhóm này có thể biết thêm cảnh Đáo Đại, Siêu Thế, Tục đế).

16. Tâm vô nhân

Sự biết cảnh lục trần, lục dục, thường biết cảnh Dục Giới *, không có 6 nhân đồng sanh (vô tham, vô sân, vô si, tham, sân, si).

(* Chỉ có tâm khán ý môn trong nhóm này có thể biết thêm cảnh Đáo Đại, Siêu Thế, Tục đế).

17. Tâm bất thiện

Sự biết cảnh lục trần, lục dục, thường biết cảnh Dục Giới *, có các trạng thái tâm lý xấu ác.

(* 12 tâm bất thiện này có thể biết thêm cảnh đáo đại, tục đế)

18. Tâm tham

Sự biết cảnh lục trần, lục dục khởi lên trạng thái tâm lý ham thích, dính mắc với cảnh.

19. Tâm sân

Sự biết cảnh lục trần, lục dục khởi lên trạng thái tâm lý ghét bỏ, chống đối cảnh.

20. Tâm si

Sự biết cảnh lục trần, lục dục khởi lên trạng thái tâm lý mê mờ, vô minh (chỉ có nhân si, mà không có 2 nhân tham và sân).

21. Tâm tham thọ hỷ hợp tà vô trợ

Sự biết cảnh lục trần, lục dục khởi lên trạng thái tâm lý ham thích, dính mắc với cảnh, có cảm thọ hỷ, có tà kiến, không cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách mau lẹ, dứt khoát).

22. Tâm tham thọ hỷ hợp tà hữu trợ

Sự biết cảnh lục trần, lục dục khởi lên trạng thái tâm lý ham thích, dính mắc với cảnh, có cảm thọ hỷ, có tà kiến, cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách chần chừ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách mau lẹ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách chần chừ).

23. Tâm tham thọ hỷ ly tà vô trợ

Sự biết cảnh lục trần, lục dục khởi lên trạng thái tâm lý ham thích, dính mắc với cảnh, có cảm thọ hỷ, không có tà kiến, không cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách mau lẹ, dứt khoát).

24. Tâm tham thọ hỷ ly tà hữu trợ

Sự biết cảnh lục trần, lục dục khởi lên trạng thái tâm lý ham thích, dính mắc với cảnh, có cảm thọ hỷ, không có tà kiến, cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách chần chừ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách mau lẹ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách chần chừ).

25. Tâm tham thọ xả hợp tà vô trợ

Sự biết cảnh lục trần, lục dục khởi lên trạng thái tâm lý ham thích, dính mắc với cảnh, có cảm thọ xả, có tà kiến, không cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách mau lẹ, dứt khoát).

26. Tâm tham thọ xả hợp tà hữu trợ

Sự biết cảnh lục trần, lục dục khởi lên trạng thái tâm lý ham thích, dính mắc với cảnh, có cảm thọ xả, có tà kiến, cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách chần chừ / do người khác

nhắc bảo rồi khởi lên một cách mau lẹ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách chần chừ).

27. Tâm tham thọ xả ly tà vô trợ

Sự biết cảnh lục trần, lục dục khởi lên trạng thái tâm lý ham thích, dính mắc với cảnh, có cảm thọ xả, không có tà kiến, không cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách mau lẹ, dứt khoát).

28. Tâm tham thọ xả ly tà hữu trợ

Sự biết cảnh lục trần, lục dục khởi lên trạng thái tâm lý ham thích, dính mắc với cảnh, có cảm thọ xả, không có tà kiến, cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách chần chừ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách mau lẹ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách chần chừ).

29. Tâm sân thọ ưu hợp phẫn vô trợ

Sự biết cảnh lục trần, lục dục khởi lên trạng thái tâm lý ghét bỏ, chống đối cảnh, có cảm thọ ưu phiền, hợp với phẫn nộ (bực bội, khó chịu), không cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách mau lẹ, dứt khoát).

30. Tâm sân thọ ưu hợp phẫn hữu trợ

Sự biết cảnh lục trần, lục dục khởi lên trạng thái tâm lý ghét bỏ, chống đối cảnh, có cảm thọ ưu phiền, hợp với phẫn nộ (bực bội, khó chịu), cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách chần chừ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách mau lẹ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách chần chừ).

31. Tâm si thọ xả hợp hoài nghi

Sự biết cảnh lục trần, lục dục khởi lên sự mê mờ và hoài nghi về các pháp cao thượng (nhân quả, Tam Bảo,…).

Có cảm thọ xả.

32. Tâm si thọ xả hợp phóng dật

Sự biết cảnh lục trần, lục dục khởi lên sự mê mờ và khiến tâm lao chao, loạn động (tâm này có sự phóng dật là chủ yếu, ngoài ra không có các trạng thái tâm lý nổi bật khác như tham hay hoài nghi).

Có cảm thọ xả.

33. Tâm quả vô nhân

Là tâm kết quả của tâm bất thiện hoặc thiện, không có 6 nhân đồng sanh.

34. Tâm duy tác vô nhân

Là tâm chỉ khởi lên hành động mà không tạo nghiệp (không có tâm kết quả của hành động), không có 6 nhân đồng sanh.

"Hành động" ở đây chỉ cho nhiệm vụ khán môn, phân đoán và đồng lực.

35. Tâm quả bất thiện vô nhân

Là tâm kết quả của tâm bất thiện.

Không có 6 nhân đồng sanh.

36. Tâm quả thiện vô nhân

Là tâm kết quả của tâm thiện dục giới, không có 6 nhân đồng sanh.

37. Tâm nhãn thức thọ xả quả bất thiện vô nhân

Là tâm có nhiệm vụ thấy cảnh sắc xấu.

Là tâm kết quả của tâm bất thiện, có cảm thọ xả, không có 6 nhân đồng sanh.

38. Tâm nhĩ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân

Là tâm có nhiệm vụ nghe cảnh thinh xấu.

Là tâm kết quả của tâm bất thiện, có cảm thọ xả, không có 6 nhân đồng sanh.

39. Tâm tỷ thức thọ xả quả bất thiện vô nhân

Là tâm có nhiệm vụ ngửi cảnh khí xấu.

Là tâm kết quả của tâm bất thiện, có cảm thọ xả, không có 6 nhân đồng sanh.

40. Tâm thiệt thức thọ xả quả bất thiện vô nhân

Là tâm có nhiệm vụ nếm cảnh vị xấu.

Là tâm kết quả của tâm bất thiện, có cảm thọ xả, không có 6 nhân đồng sanh.

41. Tâm thân thức thọ khổ quả bất thiện vô nhân

Là tâm có nhiệm vụ đụng chạm cảnh xúc xấu.

Là tâm kết quả của tâm bất thiện, có cảm thọ khổ, không có 6 nhân đồng sanh.

42. Tâm tiếp thâu thọ xả quả bất thiện vô nhân

Là tâm có nhiệm vụ tiếp nhận cảnh ngũ xấu.

Là tâm kết quả của tâm bất thiện, có cảm thọ xả, không có 6 nhân đồng sanh.

43. Tâm quan sát thọ xả quả bất thiện vô nhân

Là tâm có nhiệm vụ quan sát, điều tra cảnh ngũ xấu. Ngoài ra, tâm này còn có nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử và mót.

Là tâm kết quả của tâm bất thiện, có cảm thọ xả, không có 6 nhân đồng sanh.

44. Tâm nhãn thức thọ xả quả thiện vô nhân

Là tâm có nhiệm vụ thấy cảnh sắc tốt.

Là tâm kết quả của tâm thiện dục giới, có cảm thọ xả, không có 6 nhân đồng sanh.

45. Tâm nhĩ thức thọ xả quả thiện vô nhân

Là tâm có nhiệm vụ nghe cảnh thinh tốt.

Là tâm kết quả của tâm thiện dục giới, có cảm thọ xả, không có 6 nhân đồng sanh.

46. Tâm tỷ thức thọ xả quả thiện vô nhân

Là tâm có nhiệm vụ ngửi cảnh khí tốt.

Là tâm kết quả của tâm thiện dục giới, có cảm thọ xả, không có 6 nhân đồng sanh.

47. Tâm thiệt thức thọ xả quả thiện vô nhân

Là tâm có nhiệm vụ nếm cảnh vị tốt.

Là tâm kết quả của tâm thiện dục giới, có cảm thọ xả, không có 6 nhân đồng sanh.

48. Tâm thân thức thọ lạc quả thiện vô nhân

Là tâm có nhiệm vụ đụng chạm cảnh xúc tốt.

Là tâm kết quả của tâm thiện dục giới, có cảm thọ lạc, không có 6 nhân đồng sanh.

49. Tâm tiếp thâu thọ xả quả thiện vô nhân

Là tâm có nhiệm vụ tiếp nhận cảnh ngũ tốt.

Là tâm kết quả của tâm thiện dục giới, có cảm thọ xả, không có 6 nhân đồng sanh.

50. Tâm quan sát thọ xả quả thiện vô nhân

Là tâm có nhiệm vụ quan sát, điều tra cảnh ngũ tốt. Ngoài ra, tâm này còn có nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử và mót.

Là tâm kết quả của tâm thiện dục giới, có cảm thọ xả, không có 6 nhân đồng sanh.

51. Tâm quan sát thọ hỷ quả thiện vô nhân

Là tâm có nhiệm vụ quan sát, điều tra cảnh ngũ cực tốt. Ngoài ra, tâm này còn có nhiệm vụ mót.

Là tâm kết quả của tâm thiện dục giới, có cảm thọ hỷ, không có 6 nhân đồng sanh.

52. Tâm khán ngũ môn thọ xả

Là tâm có nhiệm vụ hướng đến 5 môn để đón nhận 5 cảnh và khai mở lộ ngũ.

Có cảm thọ xả.

53. Tâm khán ý môn thọ xả

Là tâm có nhiệm vụ hướng đến ý môn để đón nhận cảnh pháp và khai mở lộ ý. Còn trong lộ ngũ, tâm này có nhiệm vụ phân đoán cảnh ngũ.

Có cảm thọ xả.

54. Tâm ứng cúng vi tiếu thọ hỷ

Là tâm làm việc cười của a-la-hán, không có 6 nhân đồng sanh.

Có cảm thọ hỷ.

55. Tâm thiện dục giới tịnh hảo

Là sự biết cảnh khởi lên trạng thái tâm lý thiện lành (có tạo nghiệp thiện), thường biết cảnh dục giới *.

(* Cả 8 tâm này có thể biết cảnh đáo đại, tục đế, 4 tâm hợp trí có thể biết cảnh Siêu thế).

56. Tâm quả dục giới tịnh hảo

Là tâm kết quả của tâm thiện dục giới, khởi lên trạng thái tâm lý thanh tịnh, tốt đẹp, có nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử và mót.

57. Tâm duy tác dục giới tịnh hảo

Là tâm chỉ khởi lên hành động mà không tạo nghiệp (không có tâm kết quả của hành động), khởi lên trạng thái tâm lý thanh tịnh, tốt đẹp, thường biết cảnh dục giới *.

(* Cả 8 tâm này có thể biết cảnh đáo đại, tục đế, 4 tâm hợp trí có thể biết cảnh Siêu thế).

"Hành động" ở đây chỉ có nhiệm vụ đổng lực. Là tâm của các vị a-la-hán.

58. Tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ

Là sự biết cảnh khởi lên trạng thái tâm lý thiện lành (có tạo nghiệp thiện), có cảm thọ hỷ, hợp với trí tuệ, không cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách mau lẹ, dứt khoát).

Thường biết cảnh dục giới *.

(Có thể biết thêm cảnh Đáo Đại và Siêu Thế)

59. Tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ

Là sự biết cảnh khởi lên trạng thái tâm lý thiện lành (có tạo nghiệp thiện), có cảm thọ hỷ, hợp với trí tuệ, cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách chần chừ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách mau lẹ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách chần chừ). Thường biết cảnh dục giới *.

(Có thể biết thêm cảnh Đáo Đại và Siêu Thế).

60. Tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ

Là sự biết cảnh khởi lên trạng thái tâm lý thiện lành (có tạo nghiệp thiện), có cảm thọ hỷ, không hợp với trí tuệ, không cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách mau lẹ, dứt khoát).

Thường biết cảnh dục giới *.

(Có thể biết thêm cảnh Đáo Đại)

61. Tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ

Là sự biết cảnh khởi lên trạng thái tâm lý thiện lành (có tạo nghiệp thiện), có cảm thọ hỷ, không hợp với trí tuệ, cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách chần chừ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách mau lẹ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách chần chừ).

Thường biết cảnh dục giới *.

(Có thể biết thêm cảnh Đáo Đại).

62. Tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ

Là sự biết cảnh khởi lên trạng thái tâm lý thiện lành (có tạo nghiệp thiện), có cảm thọ xả, hợp với trí tuệ, không cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách mau lẹ, dứt khoát).

Thường biết cảnh dục giới *.

(Có thể biết thêm cảnh Đáo Đại và Siêu Thế)

63. Tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ

Là sự biết cảnh khởi lên trạng thái tâm lý thiện lành (có tạo nghiệp thiện), có cảm thọ xả, hợp với trí tuệ, cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách chần chừ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách mau lẹ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách chần chừ). Thường biết cảnh dục giới *.

(Có thể biết thêm cảnh Đáo Đại và Siêu Thế).

64. Tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ

Là sự biết cảnh khởi lên trạng thái tâm lý thiện lành (có tạo nghiệp thiện), có cảm thọ xả, không hợp với trí tuệ, không cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách mau lẹ, dứt khoát).

Thường biết cảnh dục giới *.

(Có thể biết thêm cảnh Đáo Đại)

65. Tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ

Là sự biết cảnh khởi lên trạng thái tâm lý thiện lành (có tạo nghiệp thiện), có cảm thọ xả, không hợp với trí tuệ, cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách chần chừ / do người khác

nhắc bảo rồi khởi lên một cách mau lẹ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách chần chừ).

Thường biết cảnh dục giới *.

(Có thể biết thêm cảnh Đáo Đại).

66. Tâm quả thọ hỷ hợp trí vô trợ

Là tâm kết quả cao nhất của tâm thiện thọ hỷ hợp trí vô trợ. Có nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử, giúp đương sự bẩm sinh là người có nhân trí tuệ, tính cách vui vẻ, suy nghĩ hoạt bát, năng động, nhanh nhẹn. Ngoài ra, tâm này còn nhiệm vụ mót.

67. Tâm quả thọ hỷ hợp trí hữu trợ

Là tâm kết quả cao nhất của tâm thiện thọ hỷ hợp trí hữu trợ. Có nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử, giúp đương sự bẩm sinh là người có nhân trí tuệ, tính cách vui vẻ, nhưng suy nghĩ thường hay chần chừ, thiếu quyết đoán, cả nể,…. Ngoài ra, tâm này còn nhiệm vụ mót.

68. Tâm quả thọ hỷ ly trí vô trợ

Là tâm kết quả cao nhất của tâm thiện thọ hỷ ly trí vô trợ. Có nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử, giúp đương sự bẩm sinh là người có tính cách vui vẻ, suy nghĩ hoạt bát, năng động, nhanh nhẹn, nhưng thiếu nhân trí tuệ, nên không thể đắc thiền, đắc đạo. Ngoài ra, tâm này còn nhiệm vụ mót.

69. Tâm quả thọ hỷ ly trí hữu trợ

Là tâm kết quả cao nhất của tâm thiện thọ hỷ ly trí hữu trợ. Có nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử, giúp đương sự bẩm sinh là người có tính cách vui vẻ, nhưng suy nghĩ thường hay chần chừ, thiếu quyết đoán, cả nể,…. Và thiếu nhân trí tuệ, nên không thể đắc thiền, đắc đạo. Ngoài ra, tâm này còn nhiệm vụ mót.

70. Tâm quả thọ xả hợp trí vô trợ

Là tâm kết quả cao nhất của tâm thiện thọ xả hợp trí vô trợ. Có nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử, giúp đương sự bẩm sinh là người có nhân trí tuệ, tính cách điềm đạm, suy nghĩ hoạt bát, năng động, nhanh nhẹn. Ngoài ra, tâm này còn nhiệm vụ mót.

71. Tâm quả thọ xả hợp trí hữu trợ

Là tâm kết quả cao nhất của tâm thiện thọ xả hợp trí hữu trợ. Có nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử, giúp đương sự bẩm sinh là người có nhân trí tuệ, tính cách điềm đạm, nhưng suy nghĩ thường hay chần chừ, thiếu quyết đoán, cả nể,…. Ngoài ra, tâm này còn nhiệm vụ mót.

72. Tâm quả thọ xả ly trí vô trợ

Là tâm kết quả cao nhất của tâm thiện thọ xả ly trí vô trợ. Có nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử, giúp đương sự bẩm sinh là người có tính cách điềm đạm, suy nghĩ hoạt bát, năng động, nhanh nhẹn, nhưng thiếu nhân trí tuệ, nên không thể đắc thiền, đắc đạo. Ngoài ra, tâm này còn nhiệm vụ mót.

73. Tâm quả thọ xả ly trí hữu trợ

Là tâm kết quả cao nhất của tâm thiện thọ xả ly trí hữu trợ. Có nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử, giúp đương sự bẩm sinh là người có tính cách điềm đạm, nhưng suy nghĩ thường hay chần chừ, thiếu quyết đoán, cả nể,…. Và thiếu nhân trí tuệ, nên không thể đắc thiền, đắc đạo. Ngoài ra, tâm này còn nhiệm vụ mót.

74. Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí vô trợ

Là sự biết cảnh khởi lên trạng thái tâm lý thanh tịnh, tốt đẹp (không tạo nghiệp), có cảm thọ hỷ, hợp với trí tuệ, không cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách mau lẹ, dứt khoát).

Thường biết cảnh dục giới *.

(Có thể biết thêm cảnh Đáo Đại và Siêu Thế)

75. Tâm duy tác thọ hỷ hợp trí hữu trợ

Là sự biết cảnh khởi lên trạng thái tâm lý thanh tịnh, tốt đẹp (không tạo nghiệp), có cảm thọ hỷ, hợp với trí tuệ, cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách chần chừ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách mau lẹ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách chần chừ). Thường biết cảnh dục giới *.

(Có thể biết thêm cảnh Đáo Đại và Siêu Thế).

76. Tâm duy tác thọ hỷ ly trí vô trợ

Là sự biết cảnh khởi lên trạng thái tâm lý thanh tịnh, tốt đẹp (không tạo nghiệp), có cảm thọ hỷ, không hợp với trí tuệ, không cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách mau lẹ, dứt khoát).

Thường biết cảnh dục giới *.

(Có thể biết thêm cảnh Đáo Đại)

77. Tâm duy tác thọ hỷ ly trí hữu trợ

Là sự biết cảnh khởi lên trạng thái tâm lý thanh tịnh, tốt đẹp (không tạo nghiệp), có cảm thọ hỷ, không hợp với trí tuệ, cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách chần chừ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách mau lẹ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách chần chừ).

Thường biết cảnh dục giới *.

(Có thể biết thêm cảnh Đáo Đại).

78. Tâm duy tác thọ xả hợp trí vô trợ

Là sự biết cảnh khởi lên trạng thái tâm lý thanh tịnh, tốt đẹp (không tạo nghiệp), có cảm thọ xả, hợp với trí tuệ, không cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách mau lẹ, dứt khoát).

Thường biết cảnh dục giới *.

(Có thể biết thêm cảnh Đáo Đại và Siêu Thế)

79. Tâm duy tác thọ xả hợp trí hữu trợ

Là sự biết cảnh khởi lên trạng thái tâm lý thanh tịnh, tốt đẹp (không tạo nghiệp), có cảm thọ xả, hợp với trí tuệ, cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách chần chừ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách mau lẹ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách chần chừ). Thường biết cảnh dục giới *.

(Có thể biết thêm cảnh Đáo Đại và Siêu Thế).

80. Tâm duy tác thọ xả ly trí vô trợ

Là sự biết cảnh khởi lên trạng thái tâm lý thanh tịnh, tốt đẹp (không tạo nghiệp), có cảm thọ xả, không hợp với trí tuệ, không cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách mau lẹ, dứt khoát).

Thường biết cảnh dục giới *.

(Có thể biết thêm cảnh Đáo Đại)

81. Tâm duy tác thọ xả ly trí hữu trợ

Là sự biết cảnh khởi lên trạng thái tâm lý thanh tịnh, tốt đẹp (không tạo nghiệp), có cảm thọ xả, không hợp với trí tuệ, cần trợ giúp (tự mình khởi lên một cách chần chừ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách mau lẹ / do người khác nhắc bảo rồi khởi lên một cách chần chừ).

Thường biết cảnh dục giới *.

(Có thể biết thêm cảnh Đáo Đại).

82. Tâm sắc giới

Là tâm biết cảnh đề mục thiền Sắc giới.

83. Tâm vô sắc giới

Là tâm biết cảnh đề mục thiền Vô sắc giới.

84. Tâm thiện sắc giới

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền sắc giới, có tâm kết quả là tâm quả sắc giới.

85. Tâm quả sắc giới

Là quả của tâm thiện sắc giới, làm nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử cho phạm thiên sắc giới.

86. Tâm duy tác sắc giới

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền sắc giới, không để lại kết quả.

87. Tâm thiện sơ thiền sắc giới

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền sắc giới, có tâm kết quả là tâm quả sơ thiền sắc giới. Gồm các chi thiền tầm, tứ, hỷ, lạc, định.

88. Tâm thiện nhị thiền sắc giới

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền sắc giới, có tâm kết quả là tâm quả nhị thiền sắc giới. Gồm các chi thiền tứ, hỷ, lạc, định.

89. Tâm thiện tam thiền sắc giới

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền sắc giới, có tâm kết quả là tâm quả tam thiền sắc giới. Gồm các chi thiền hỷ, lạc, định.

90. Tâm thiện tứ thiền sắc giới

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền sắc giới, có tâm kết quả là tâm quả tứ thiền sắc giới. Gồm các chi thiền lạc, định.

91. Tâm thiện ngũ thiền sắc giới

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền sắc giới, có tâm kết quả là tâm quả ngũ thiền sắc giới. Gồm các chi thiền xả, định.

92. Tâm quả sơ thiền sắc giới

Là quả của tâm thiện sơ thiền sắc giới, làm nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử cho phạm thiên 3 cõi sơ thiền.

93. Tâm quả nhị thiền sắc giới

Là quả của tâm thiện nhị thiền sắc giới, làm nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử cho phạm thiên 3 cõi nhị, tam thiền.

94. Tâm quả tam thiền sắc giới

Là quả của tâm thiện tam thiền sắc giới, làm nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử cho phạm thiên 3 cõi nhị, tam thiền.

95. Tâm quả tứ thiền sắc giới

Là quả của tâm thiện tứ thiền sắc giới, làm nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử cho phạm thiên 3 cõi tứ thiền.

96. Tâm quả ngũ thiền sắc giới

Là quả của tâm thiện ngũ thiền sắc giới, làm nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử cho phạm thiên cõi Quảng Quả và 5 cõi Tịnh Cư.

97. Tâm duy tác sơ thiền sắc giới

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền sắc giới, không để lại kết quả. Gồm các thiền chi tầm, tứ, hỷ, lạc, định.

98. Tâm duy tác nhị thiền sắc giới

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền sắc giới, không để lại kết quả. Gồm các thiền chi tứ, hỷ, lạc, định.

99. Tâm duy tác tam thiền sắc giới

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền sắc giới, không để lại kết quả. Gồm các thiền chi hỷ, lạc, định.

100. Tâm duy tác tứ thiền sắc giới

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền sắc giới, không để lại kết quả. Gồm các thiền chi lạc, định.

101. Tâm duy tác ngũ thiền sắc giới

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền sắc giới, không để lại kết quả. Gồm các thiền chi xả, định.

102. Tâm thiện vô sắc giới

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền vô sắc giới, có tâm kết quả là tâm quả vô sắc giới.

103. Tâm quả vô sắc giới

Là quả của tâm thiện vô sắc giới, làm nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử cho phạm thiên vô sắc giới.

104. Tâm duy tác vô sắc giới

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền vô sắc giới, không để lại kết quả.

105. Tâm thiện không vô biên xứ

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền không vô biên xứ, có tâm kết quả là tâm quả không vô biên xứ.

106. Tâm thiện thức vô biên xứ

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền thức vô biên xứ, có tâm kết quả là tâm quả thức vô biên xứ.

107. Tâm thiện vô sở hữu xứ

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền vô sở hữu xứ, có tâm kết quả là tâm quả vô sở hữu xứ.

108. Tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền phi tưởng phi phi tưởng xứ, có tâm kết quả là tâm quả phi tưởng phi phi tưởng xứ.

109. Tâm quả không vô biên xứ

Là tâm kết quả của tâm thiện không vô biên xứ, làm nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử cho phạm thiên cõi không vô biên xứ.

110. Tâm quoả thức vô biên xứ

Là tâm kết quả của tâm thiện thức vô biên xứ, làm nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử cho phạm thiên cõi thức vô biên xứ.

111. Tâm quả vô sở hữu xứ

Là tâm kết quả của tâm thiện vô sở hữu xứ, làm nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử cho phạm thiên cõi vô sở hữu xứ.

112. Tâm quả phi tưởng phi phi tưởng xứ

Là tâm kết quả của tâm thiện phi tưởng phi phi tưởng xứ, làm nhiệm vụ tục sinh, hộ kiếp, tử cho phạm thiên cõi phi tưởng phi phi tưởng xứ.

113. Tâm duy tác không vô biên xứ

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền không vô biên xứ, không để lại kết quả.

114. Tâm duy tác thức vô biên xứ

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền thức vô biên xứ, không để lại kết quả.

115. Tâm duy tác vô sở hữu xứ

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền vô sở hữu xứ, không để lại kết quả.

116. Tâm duy tác phi tưởng phi phi tưởng xứ

Là tâm đắc thiền hoặc nhập thiền đề mục thiền phi tưởng phi phi tưởng xứ, không để lại kết quả.

117. Tâm đạo

Là tâm đắc đạo, đang đoạn trừ phiền não, kiết sử.

118. Tâm quả siêu thế

Là tâm đắc quả hoặc nhập thiền quả, đã đoạn trừ phiền não, kiết sử.

119. Tâm sơ đạo

Là tâm đắc đạo lần 1, đang đoạn trừ 3 kiết sử thân kiến, hoài nghi, giới cấm thủ.

120. Tâm nhị đạo

Là tâm đắc đạo lần 2, đang giảm nhẹ dục ái và sân.

121. Tâm tam đạo

Là tâm đắc đạo lần 3, đang đoạn trừ dục ái và sân.

122. Tâm tứ đạo

Là tâm đắc đạo lần 4, đang đoạn trừ 5 kiết sử còn lại là ái sắc, ái vô sắc, ngã mạn, phóng dật, vô minh.

123. Tâm sơ đạo sơ thiền

Là tâm đắc đạo lần 1 với định sơ thiền làm nền tảng.

124. Tâm sơ đạo nhị thiền

Là tâm đắc đạo lần 1 với định nhị thiền làm nền tảng.

125. Tâm sơ đạo tam thiền

Là tâm đắc đạo lần 1 với định tam thiền làm nền tảng.

126. Tâm sơ đạo tứ thiền

Là tâm đắc đạo lần 1 với định tứ thiền làm nền tảng.

127. Tâm sơ đạo ngũ thiền

Là tâm đắc đạo lần 1 với định ngũ thiền làm nền tảng.

128. Tâm nhị đạo sơ thiền

Là tâm đắc đạo lần 2 với định sơ thiền làm nền tảng.

129. Tâm nhị đạo nhị thiền

Là tâm đắc đạo lần 2 với định nhị thiền làm nền tảng.

130. Tâm nhị đạo tam thiền

Là tâm đắc đạo lần 2 với định tam thiền làm nền tảng.

131. Tâm nhị đạo tứ thiền

Là tâm đắc đạo lần 2 với định tứ thiền làm nền tảng.

132. Tâm nhị đạo ngũ thiền

Là tâm đắc đạo lần 2 với định ngũ thiền làm nền tảng.

133. Tâm tam đạo sơ thiền

Là tâm đắc đạo lần 3 với định sơ thiền làm nền tảng.

134. Tâm tam đạo nhị thiền

Là tâm đắc đạo lần 3 với định nhị thiền làm nền tảng.

135. Tâm tam đạo tam thiền

Là tâm đắc đạo lần 3 với định tam thiền làm nền tảng.

136. Tâm tam đạo tứ thiền

Là tâm đắc đạo lần 3 với định tứ thiền làm nền tảng.

137. Tâm tam đạo ngũ thiền

Là tâm đắc đạo lần 3 với định ngũ thiền làm nền tảng.

138. Tâm tứ đạo sơ thiền

Là tâm đắc đạo lần 4 với định sơ thiền làm nền tảng.

139. Tâm tứ đạo nhị thiền

Là tâm đắc đạo lần 4 với định nhị thiền làm nền tảng.

140. Tâm tứ đạo tam thiền

Là tâm đắc đạo lần 4 với định tam thiền làm nền tảng.

141. Tâm tứ đạo tứ thiền

Là tâm đắc đạo lần 4 với định tứ thiền làm nền tảng.

142. Tâm tứ đạo ngũ thiền

Là tâm đắc đạo lần 4 với định ngũ thiền làm nền tảng.

143. Tâm sơ quả sơ thiền

Là tâm đắc quả lần 1 hoặc nhập thiền sơ quả với định sơ thiền làm nền tảng.

144. Tâm sơ quả nhị thiền

Là tâm đắc quả lần 1 hoặc nhập thiền sơ quả với định nhị thiền làm nền tảng.

145. Tâm sơ quả tam thiền

Là tâm đắc quả lần 1 hoặc nhập thiền sơ quả với định tam thiền làm nền tảng.

146. Tâm sơ quả tứ thiền

Là tâm đắc quả lần 1 hoặc nhập thiền sơ quả với định tứ thiền làm nền tảng.

147. Tâm sơ quả ngũ thiền

Là tâm đắc quả lần 1 hoặc nhập thiền sơ quả với định ngũ thiền làm nền tảng.

148. Tâm nhị quả sơ thiền

Là tâm đắc quả lần 2 hoặc nhập thiền nhị quả với định sơ thiền làm nền tảng.

149. Tâm nhị quả nhị thiền

Là tâm đắc quả lần 2 hoặc nhập thiền nhị quả với định nhị thiền làm nền tảng.

150. Tâm nhị quả tam thiền

Là tâm đắc quả lần 2 hoặc nhập thiền nhị quả với định tam thiền làm nền tảng.

151. Tâm nhị quả tứ thiền

Là tâm đắc quả lần 2 hoặc nhập thiền nhị quả với định tứ thiền làm nền tảng.

152. Tâm nhị quả ngũ thiền

Là tâm đắc quả lần 2 hoặc nhập thiền nhị quả với định ngũ thiền làm nền tảng.

153. Tâm tam quả sơ thiền

Là tâm đắc quả lần 3 hoặc nhập thiền tam quả với định sơ thiền làm nền tảng.

154. Tâm tam quả nhị thiền

Là tâm đắc quả lần 3 hoặc nhập thiền tam quả với định nhị thiền làm nền tảng.

155. Tâm tam quả tam thiền

Là tâm đắc quả lần 3 hoặc nhập thiền tam quả với định tam thiền làm nền tảng.

156. Tâm tam quả tứ thiền

Là tâm đắc quả lần 3 hoặc nhập thiền tam quả với định tứ thiền làm nền tảng.

157. Tâm tam quả ngũ thiền

Là tâm đắc quả lần 3 hoặc nhập thiền tam quả với định ngũ thiền làm nền tảng.

158. Tâm tứ quả sơ thiền

Là tâm đắc quả lần 4 hoặc nhập thiền tứ quả với định sơ thiền làm nền tảng.

159. Tâm tứ quả nhị thiền

Là tâm đắc quả lần 4 hoặc nhập thiền tứ quả với định nhị thiền làm nền tảng.

160. Tâm tứ quả tam thiền

Là tâm đắc quả lần 4 hoặc nhập thiền tứ quả với định tam thiền làm nền tảng.

161. Tâm tứ quả tứ thiền

Là tâm đắc quả lần 4 hoặc nhập thiền tứ quả với định tứ thiền làm nền tảng.

162. Tâm tứ quả ngũ thiền

Là tâm đắc quả lần 4 hoặc nhập thiền tứ quả với định ngũ thiền làm nền tảng.

163. Sở hữu tợ tha

Là nhóm sở hữu có thể có mặt trong tâm bất thiện, hoặc tâm vô nhân, hoặc tâm tịnh hảo.

(Dục đi trong tâm bất thiện và tịnh hảo, còn 12 sở hữu còn lại đi được trong các tâm bất thiện, vô nhân và tịnh hảo).

164. Sở hữu bất thiện

Là những trạng thái tâm lý xấu ác, chỉ đi trong tâm bất thiện.

165. Sở hữu tịnh hảo

Là những trạng thái tâm lý thanh tịnh, tốt đẹp, chỉ đi trong tâm tịnh hảo.

166. Sở hữu biến hành

Là nhóm các sở hữu luôn có mặt trong 121 tâm.

167. Sở hữu biệt cảnh

Là nhóm các sở hữu có thể có mặt trong tâm bất thiện, hoặc tâm vô nhân, hoặc tâm tịnh hảo. Nhưng lúc có, lúc không, chứ không phải tâm nào cũng có.

168. Xúc

Là sự gặp gỡ giữa căn, cảnh và tâm.

169. Thọ

Là sự cảm nhận, cảm giác của tâm về cảnh, khi xúc chạm với cảnh.

170. Tưởng

Lưu giữ những ấn tượng, dấu ấn, đặc điểm của cảnh để nhận dạng cảnh dựa trên những cái biết cũ đã được huân tập từ quá khứ.

Cái biết của các giác quan là sự trực nhận đối tượng hiện tiền không thông qua quan niệm hay kinh nghiệm nào. Còn cái biết của tưởng là cái biết liên tưởng, dựa trên một cái biết cũ nào có. Ví dụ nhãn thức chỉ làm việc chụp ảnh, không cho ra một ý niệm nào, còn tưởng cho ta biết đó là đóa hoa hay tờ giấy.

171. Tư

Là trạng thái cố ý, cố quyết, là sở hữu đóng vai trò điều hành, chỉ huy những sở hữu đồng sanh làm phận sự của chúng.

Trong các tâm bất thiện và thiện hiệp thế, sở hữu Tư này để lại chủng tử, tạo ra nghiệp để trổ quả về sau.

172. Nhất hành

Là trạng thái gom tâm và tâm sở đồng sanh lại và quy tụ lên duy nhất một đối tượng. Khi phát triển mạnh sẽ thành Định.

173. Mạng quyền

Là trạng thái giúp duy trì tuổi thọ của tâm và tâm sở đồng sanh tồn tại trong 1 sát-na (hay bằng 3 tiểu sát-na sanh, trụ, diệt)

174. Tác ý

Là trạng thái hướng tâm và tâm sở về đối tượng. Dẫn tâm không bị lệch hướng để làm tròn chức năng nào đó của tâm.

Là khía cạnh chủ đạo của 2 tâm khai môn.

175. Tầm

Là trạng thái đưa dẫn tâm và tâm sở đến đối tượng, áp đặt tâm trí lên đối tượng, giúp tâm trở nên khắn khít với đối tượng.

Khi trở thành chi thiền, Tầm có sức mạnh chế ngự Hôn thụy. Tầm cũng là chi pháp của Chánh Tư Duy trong Bát Chánh Đạo.

176. Tứ

Là trạng thái dán tâm và tâm sở lên đối tượng, duy trì sự áp đặt tâm trí lên đối tượng, rà soát và quan sát đối tượng liên tục nên được xem là gần với trí tuệ khi phát triển mạnh.

177. Thắng giải

Sự giải phóng tâm ý, quyết đoán trên đối tượng. Làm tâm không lưỡng lự, do dự. Có chức năng chặn đứng Hoài Nghi và hỗ trợ cho tâm sở Tín.

178. Cần

Là trạng thái cố gắng, năng động, hỗ trợ tâm và tâm sở trở nên vững mạnh và bám trên đối tượng.

Là một yếu tố mạnh mẽ, nên không tương hợp với 15 quả vô nhân và 1 khán ngũ môn, vì đây là những tâm yếu.

179. Hỷ

Là trạng thái hào hứng, hứng thú của tâm đối với cảnh.

180. Dục

Là mong muốn, ước muốn, khao khát.

Là một yếu tố mạnh mẽ, nên không tương hợp với 2 tâm si và 18 tâm vô nhân, vì đây là những tâm mê muội, yếu.

Có 3 loại: tham dục (mong muốn đi trong các tâm bất thiện để làm việc xấu ác), pháp dục (mong muốn đi trong các tâm thiện để làm điều tốt đẹp), tác dục (mong muốn đi trong các tâm duy tác hữu nhân để làm điều tốt đẹp của các bậc a-la-hán).

181. Sở hữu bất thiện biến hành

Là những sở hữu có mặt trong toàn bộ 12 tâm bất thiện, ngoài ra không đi trong các tâm nào khác nữa.

182. Sở hữu tham phần

Là những sở hữu có mặt trong tâm tham, ngoài ra không đi trong các tâm nào khác nữa.

183. Sở hữu sân phần

Là những sở hữu có mặt trong tâm sân, ngoài ra không đi trong các tâm nào khác nữa.

184. Sở hữu hôn phần

Là những trạng thái khiến tâm yếu đuối, mệt mỏi, lười biếng.

185. Sở hữu hoài nghi

Là trạng thái tâm phân vân, lưỡng lự, hoài nghi về các pháp cao thượng (nhân quả, Tam Bảo,…).

186. Si

Là trạng thái tâm lý khiến tâm mê mờ, tối tăm, vô minh, khiến chúng sanh không hiểu rõ các pháp chân đế như Tứ Đế, Duyên Sinh, vô thường, khổ, vô ngã, sự sinh diệt của Danh Sắc…

187. Vô tàm

Là trạng thái không hổ thẹn tội lỗi do thiếu vắng sự tôn trọng với bản thân

188. Vô úy

Là trạng thái không ghê sợ tội lội, do thiếu vắng sự tôn trọng người khác, không sợ người khác chỉ trích.

189. Phóng dật

Là sự tán loạn của tâm trí, là trạng thái tâm phóng túng, dao động, bị trần cảnh chi phối. Là sự lăng xăng không mục đích, thiếu kiểm soát.

190. Tham

Là trạng thái ham thích, dính mắc với cảnh.

191. Tà kiến

Là sự thấy sai, hiểu sai, chấp vào quan điểm sai lầm. Tà kiến khiến Tâm hiểu sai sự thật thay vì chỉ không hiểu đơn thuần như Si. Si khiến chúng sanh không thấy các khía cạnh Vô thường, khổ, vô ngã,… Tà kiến ghép các khái niệm Thường, Đoạn, Ngã,… vào đối tượng.

192. Ngã mạn

Là sự so sánh mình với người khác.

Dù sự so sánh là hơn, ngang hay kém thì đều xuất phát từ ý muốn tôn vinh bản thân, tự hào về bản thân, nên ngã mạn hòa hợp với tham, đặt trên nền tảng của tham. Tà kiến cũng hòa hợp với tham, do là sự cố chấp vào quan điểm sai lầm. Nhưng cơ chế hoạt động, đối tượng hướng đến của tà kiến và ngã mạn là khác nhau, một bên là sự so sánh tôn vinh bản thân, một bên là sự cố chấp quan điểm sai lầm, do đó chúng không đi chung với nhau.

Mạn còn có 2 loại là Như Thật Mạn, so sánh đúng với sự thật, các bậc thánh hữu học vẫn còn loại mạn này, và Hư Vọng Mạn, so sánh không đúng với sự thật, chỉ có ở phàm phu.

193. Sân

Là trạng thái ghét bỏ, chống đối cảnh.

194. Tật

Là trạng thái ganh tỵ với thành công của người khác.

195. Lận

Là trạng thái keo kiệt, bỏn xẻn, che giấu thành công của mình

196. Hối

Là trạng thái hối hận, day dứt, lo âu về những tội lỗi đã làm hoặc điều tốt không làm.

197. Hôn trầm

Là trạng thái lui sụt, không năng động, không nỗ lực tiến tới.

198. Thụy miên

Là trạng thái lười biếng, mệt mỏi hoặc buồn ngủ.

Có những tài liệu nói rằng hôn trầm là trạng thái thụ động của tâm, thụy miên là trạng thái thụ động của tâm sở. Có ý kiến khác thì ngược lại, hôn trầm là của tâm sở, thụy miên là của tâm. Cả 2 đều đối lập với Cần.

199. Sở hữu tịnh hảo biến hành

Là những sở hữu có mặt trong toàn bộ 91 tâm tịnh hảo, ngoài ra không đi trong các tâm nào khác nữa.

200. Sở hữu giới phần

Là những sở hữu có năng lực sát trừ tà nghiệp của thân và khẩu khi kết hợp với các tâm siêu thế, hoặc ngăn ngừa tà nghiệp của thân và khẩu khi kết hợp với các tâm thiện dục giới.

201. Sở hữu vô lượng phần

Là những sở hữu đồng cảm với đối tượng là sự đau khổ hoặc thành công của vô lượng chúng sanh.

202. Sở hữu trí tuệ

Là sự sáng suốt, làm sáng tỏ đối tượng, thấu hiểu bản chất của mọi vật. Là cái biết kinh nghiệm tự thân, không phải cái biết trực nhận của Thức hay cái biết kinh nghiệm của Tưởng. Loại bỏ đi si mê.

Khi phát triển đúng đắn sẽ trở thành Thẩm Như Ý Túc, Trạch Pháp Giác Tri, Chánh Kiến.

Tâm sở Trí Tuệ phát triển chung với Định ở mức cao nhất sẽ thành Thắng trí trong ngũ thông hiệp thế. Khi phát triển chung với chánh niệm ở mức cao nhất sẽ dẫn đến thánh trí (thánh đạo, thánh quả, trí phản khán).

19 trí phản khán gồm: nhìn lại phiền não đã trừ, còn dư sót, thánh đạo đã chứng, thánh quả đã chứng, Niết-bàn đã thấy. 5 cái trên nhân với 4 tầng thánh thành ra 19 (bỏ đi thánh tứ quả không còn phiền não dư sót để phản khán).

Những sự hiểu biết thế gian không được gọi là Trí tuệ, mà là một loại Tầm mạnh.

203. Tín

Đức tin, tin tưởng vào điều thiện, là cội nguồn của mọi pháp thiện, ở đây chỉ niềm tin đúng đắn.

204. Niệm

Sự chú ý, tỉnh thức, không xao lãng, có mặt trọn vẹn với đối tượng, biết rõ những gì đang diễn ra.

205. Tàm

Hổ thẹn tội lỗi

206. Úy

Ghê sợ tội lỗi.

Gồm một số trường hợp như sợ lương tâm cắn rứt, sợ tiếng đời dị nghị, sợ pháp luật trừng trị, sợ sa đọa khổ cảnh.

Tàm và Úy là 2 pháp nâng đỡ đạo đức của thế gian.

207. Vô tham

Là sự xả bỏ, không bám víu, dính mắc vào những khía cạnh khả ái của đối tượng.

Nên phân biệt vô tham với cảnh do sự hàm dưỡng, tu tập, khác với không có cảnh để tham.

208. Vô sân

Là sự dịu dàng, thân thiện, buông bỏ, không chống đối với những khía cạnh nghịch ý của cảnh. Khi tu tập đúng đắn sẽ trở thành lòng Từ.

209. Hành xả

Là trạng thái tâm quân bình khi đối diện với cảnh, quan sát cảnh với sự bình thản, không thiên lệch, thiên vị. Khi tu tập đúng đắn sẽ trở thành Xả vô lượng tâm và Xả giác chi.

210. Tịnh thân

Là trạng thái làm các tâm sở đồng sanh được lắng yên, an tịnh, không bị rung động, quấy rối bởi phiền não.

211. Tịnh tâm

Là trạng thái làm tâm đồng sanh được lắng yên, an tịnh, không bị rung động, quấy rối bởi phiền não.

Tịnh thân – Tịnh tâm khi tu tập đúng đắn sẽ trở thành tịnh giác chi, giúp cho Hỷ và Lạc của người tu chỉ tịnh được vi tế hơn và giúp Tấn quyền trở nên ổn định, không bồng bột, nông nổi.

Tịnh thân – Tịnh tâm được xem là đối nghịch với trạo cử, hối quá.

212. Khinh thân

Là trạng thái làm các tâm sở đồng sanh được nhẹ nhàng, không bị nặng nề bởi phiền não.

213. Khinh tâm

Là trạng thái làm tâm đồng sanh được nhẹ nhàng, không bị nặng nề bởi phiền não.

Khinh thân – Khinh tâm được xem là đối nghịch với hôn trầm, thụy miên (làm tâm sở và tâm nặng nề), giúp tâm hành giả Tuệ Quán trở nên linh hoạt hơn, hạn chế số lượng hữu phần xen kẽ giữa các lộ tâm (giúp tốc độ suy nghĩ, xử lý thông tin nhanh hơn).

214. Nhu thân

Là trạng thái làm các tâm sở đồng sanh được mềm mại, nhu nhuyễn, dễ bảo.

215. Nhu tâm

Là trạng thái làm tâm đồng sanh được mềm mại, nhu nhuyễn, dễ bảo.

Nhu thân – nhu tâm được xem là đối nghịch với tà kiến, ngã mạn (làm ta trở nên cứng đầu, chấp thủ tà kiến hoặc cống cao, ngã mạn, khó bảo) và hỗ trợ tích cực cho Tín và Vô Sân.

216. Thích thân

Là trạng thái giúp các tâm sở đồng sanh thích hợp, thích ứng với cảnh, giúp việc ghi nhận dễ dàng hơn.

217. Thích tâm

Là trạng thái giúp tâm đồng sanh thích hợp, thích ứng với cảnh, giúp việc ghi nhận dễ dàng hơn.

Thích thân, thích tâm kết hợp với Nhu thân, nhu tâm giúp đối phó với các phiền não thô thiển, nhất là Dục Ái và Sân Độc.

218. Thuần thân

Là trạng thái giúp các tâm sở đồng sanh thuần thục, lành mạnh, lão luyện, loại trừ đi sự bệnh hoạn, yếu kém, vụng về.

219. Thuần tâm

Là trạng thái giúp tâm đồng sanh thuần thục, lành mạnh, lão luyện, loại trừ đi sự bệnh hoạn, yếu kém, vụng về.

Thích thân, thích tâm kết hợp với Thuần thân, thuần tâm hỗ trợ cho Tín giúp tạo ra nhiều tâm thiện vô trợ hơn.

220. Chánh thân

Là trạng thái giúp các tâm sở đồng sanh trở nên chính trực, ngay thẳng.

221. Chánh tâm

Là trạng thái giúp tâm đồng sanh trở nên chính trực, ngay thẳng.

Chánh thân – Chánh tâm được xem là đối nghịch với sự gian dối, lẩn tránh sự thật. Giúp tâm sở Tư mạnh mẽ hơn để nhìn vào sự thật.

222. Chánh ngữ

Sự cố ý kiêng tránh hay ngăn trừ không nói lời sai trái (không liên hệ đến nuôi mạng)

223. Chánh nghiệp

Sự cố ý kiêng tránh hay ngăn trừ không làm điều sai trái bằng thân (không liên hệ đến nuôi mạng)

224. Chánh mạng

Sự cố ý kiêng tránh hay ngăn trừ không nói hoặc làm điều sai trái liên hệ đến nuôi mạng

225. Bi

Là đồng cảm, khao khát loại bỏ đi khổ đau của tất cả chúng sinh một cách bình đẳng.

226. Tùy hỷ

Là đồng cảm, hoan hỷ với thành công, hạnh phúc của tất cả chúng sinh một cách bình đẳng.

Kẻ thù xa của từ là sân hận, kẻ thù gần là ái luyến.

Kẻ thù xa của bi là lòng hại người, kẻ thù gần là buồn khổ, bi lụy.

Kẻ thù xa của hỷ là ganh tỵ, kẻ thù gần là xu nịnh.

Kẻ thù xa của xả là tham ái và sân, kẻ thù gần là thờ ơ, lãnh đạm.

227. Sắc tứ đại

Là 4 sắc lớn, 4 sắc nền tảng cho các sắc pháp khác.

228. Sắc y đại sinh

Là sắc nương theo, phụ thuộc vào tứ đại mà sinh lên.

Sắc y đại sinh phụ thuộc vào tứ đại, chứ không phải sinh ra từ tứ đại, ví dụ như người phụ thuộc vào ngôi nhà để sinh sống, nhưng không phải sinh ra từ ngôi nhà.

229. Sắc đất

Là sắc pháp có trạng thái cứng mềm.

Có nhiệm vụ xâm chiếm, tạo không gian, làm nền tảng nâng đỡ cho các sắc pháp khác đồng sanh.

230. Sắc nước

Là sắc pháp có trạng thái chảy ra, quyến lại, kết dính.

Có nhiệm vụ gắn kết các phần tử vật chất rời rạc lại với nhau.

Là loại sắc vi tế không thể cảm nhận bằng 5 giác quan thông thường, mà biết thông qua sự suy luận.

231. Sắc lửa

Là sắc pháp có trạng thái nóng lạnh.

Có nhiệm vụ tạo ra sinh lực cho vật chất, giúp vật chất phát triển, tồn tại hay hủy hoại.

232. Sắc gió

Là sắc pháp có trạng thái rung động, lay động, căng ra, chuyển động, giãn nở.

Nhờ gió mà vật chất mới có thể di chuyển, và gió cũng trợ giúp để lửa lan truyền khắp châu thân.

Vật chất được đặt nền tảng trên địa đại, được kết dính nhờ thủy đại, được duy trì bởi hỏa đại và được làm cho căng nở nhờ phong đại.

233. Sắc thần kinh

Là tinh chất của tứ đại, có nhiệm vụ thâu bắt cảnh ngũ làm sanh khởi lộ ngũ.

234. Sắc cảnh giới

Là đối tượng thâu bắt của sắc thần kinh.

235. Sắc tính

Là sắc pháp biểu hiện ra tướng trạng người nam hay nữ.

236. Sắc ý vật

Sắc pháp này là nơi ý thức (ý giới và ý thức giới) nương vào để sanh lên.

Đức Phật không nói rõ ở đâu, còn các giáo thọ sư nói rằng sắc ý vật nằm trong tim.

237. Sắc mạng quyền

Là sắc pháp có nhiệm vụ bảo vệ, duy trì sự tồn tại của các sắc nghiệp đồng sanh.

Sắc mạng quyền đồng sanh với tâm tục sinh và chấm dứt cùng lúc với tâm tử.

238. Sắc vật thực

Là chất bổ dưỡng có nhiệm vụ duy trì sự tồn tại của sắc pháp, giúp cơ thể tăng trưởng và khỏe mạnh.

Sắc vật thực thuộc vào Đoàn thực, tức là thức ăn, chất bổ. Chia làm 2 loại, sắc vật thực nội (sự tự dinh dưỡng của các bọn sắc trong cơ thể) và sắc vật thực ngoại (là chất bổ đi từ

ngoài vào qua thức ăn, thuốc,…). Sắc vật thực nội được hỗ trợ bởi sắc vật thực ngoại để tạo ra sắc pháp mới.

239. Sắc hư không

Là khoảng trống giữa các bọn sắc.

240. Sắc biểu tri

Là hành động, lời nói biểu hiện qua thân và khẩu làm cho người khác hiểu ý mình muốn truyền đạt.

241. Sắc đặc biệt

Là những sắc pháp có trạng thái thù thắng, dễ sử dụng.

242. Sắc tứ tướng

Là các giai đoạn tiến hóa, sinh trưởng của sắc pháp.

243. Sắc thần kinh nhãn

Là tinh chất của tứ đại nằm trong mắt, có nhiệm vụ thâu bắt cảnh sắc làm sanh khởi lộ nhãn.

244. Sắc thần kinh nhĩ

Là tinh chất của tứ đại nằm trong tai, có nhiệm vụ thâu bắt cảnh thinh làm sanh khởi lộ nhĩ.

245. Sắc thần kinh tỷ

Là tinh chất của tứ đại nằm trong mũi, có nhiệm vụ thâu bắt cảnh khí làm sanh khởi lộ tỷ.

246. Sắc thần kinh thiệt

Là tinh chất của tứ đại nằm trong lưỡi, có nhiệm vụ thâu bắt cảnh vị làm sanh khởi lộ thiệt.

247. Sắc thần kinh thân

Là tinh chất của tứ đại nằm trong thân (ở khắp toàn thân, trừ da chết, tóc, lông, móng tay,…), có nhiệm vụ thâu bắt cảnh xúc làm sanh khởi lộ thân.

248. Sắc cảnh sắc

Là hình ảnh, màu sắc mà mắt thâu bắt được.

249. Sắc cảnh thinh

Là âm thanh mà tai thâu bắt được

250. Sắc cảnh khí

Là mùi hương mà mũi thâu bắt được

251. Sắc cảnh vị

Là các vị mà lưỡi thâu bắt được

252. Sắc cảnh xúc

Là sự cứng mềm, căng cứng, chùng, nóng lạnh (tức sắc đất, lửa, gió) mà thân có thể thâu bắt, ghi nhận được.

Sắc nước là sắc tế, chỉ có thể ghi nhận bằng trí tuệ hoặc sự suy tư.

253. Sắc nam tính

Là sắc pháp biểu hiện ra tướng trạng của người nam.

254. Sắc nữ tính

Là sắc pháp biểu hiện ra tướng trạng người nữ.

255. Sắc thân biểu tri

Là hành động, biểu hiện trên thân làm cho người khác hiểu ý nghĩa.

Thân hành động có 2 loại:

- Thân tiêu biểu thông tri: là sắc biểu hiện trên thân nhằm nêu bày cho người khác hiểu ý nghĩa hay tâm trạng. Ví dụ ngôn ngữ ám hiệu qua hành động, hoặc mặt đỏ biểu hiện rằng người này vừa uống rượu bia hoặc đang ngại ngùng.
- Thân tiêu biểu hành vi: là những hành động đơn thuần của thân, không nhằm biểu đạt điều gì.

Sắc thân biểu tri là thân tiêu biểu thông tri.

256. Sắc khẩu biểu tri

Là lời nói, âm thanh phát ra từ miệng làm cho người khác hiểu ý nghĩa.

Âm thanh phát ra từ miệng cũng có 2 loại là khẩu tiêu biểu thông tri và khẩu tiêu biểu hành vi. Sắc khẩu biểu tri là khẩu tiêu biểu thông tri.

257. Sắc khinh

Là sự nhẹ nhàng của sắc pháp, phá bỏ đi sự nặng nề của sắc pháp.

258. Sắc nhu

Là sự nhu nhuyến, mềm mại, uyển chuyển của sắc pháp trong khi làm việc, phá bỏ sự cứng nhắc của sắc pháp.

259. Sắc thích nghiệp

Là sự thích nghi, thích hợp, phù hợp của sắc pháp khi thực hiện công việc.

3 sắc đặc biệt luôn đi chung với nhau và chỉ có ở chúng sanh hữu tình.

260. Sắc sinh

Giai đoạn sắc pháp được sinh ra

261. Sắc tiến

Giai đoạn tiến hóa, tăng trưởng của sắc pháp.

262. Sắc dị

Giai đoạn thoái hóa của sắc pháp.

263. Sắc diệt

Giai đoạn sắc pháp diệt đi.

264. Danh chế định

Là danh từ, tên gọi để gọi tên một đối tượng.

265. Nghĩa chế định

Là ý nghĩa, khái niệm quy ước về đối tượng.

266. Danh chơn chế định

Là danh từ, tên gọi để gọi tên một đối tượng chân đế.

267. Phi danh chơn chế định

Là danh từ, tên gọi để gọi tên một đối tượng tục đế (nghĩa chế định).

268. Danh chơn phi danh chơn chế định

Là danh từ ghép để chỉ một đối tượng, với thành phần đầu chỉ cho đối tượng chân đế, thành phần sau chỉ cho đối tượng tục đế.

269. Phi danh chơn danh chơn chế định

Là danh từ ghép để chỉ một đối tượng, với thành phần đầu chỉ cho đối tượng tục đế, thành phần sau chỉ cho đối tượng chân đế.

270. Danh chơn danh chơn chế định

Là danh từ ghép để chỉ một đối tượng, với cả hai thành phần đầu và sau đều chỉ cho đối tượng chân đế.

271. Phi danh chơn phi danh chơn chế định

Là danh từ ghép để chỉ một đối tượng, với cả hai thành phần đầu và sau đều chỉ cho đối tượng tục đế.

272. Hình thức chế định

Là sự quy ước về khái niệm thông qua hình thức bên ngoài như vuông, méo, tròn, dài, ngắn,…

Ví dụ, vật có 1 mặt phẳng, có 4 chân nâng là vật có thể dùng để ngồi làm việc.

273. Hiệp thành chế định

Là sự quy ước về khái niệm thông qua sự kết hợp các bộ phận lại.

Ví dụ khi đi riêng thì quy ước đây là như thế này là bánh xe, như thế này là yên xe, như thế này là xích, bàn đạp,… nhưng khi ráp lại thì quy ước đây là phương tiện để di chuyển.

274. Chúng sanh chế định

Là sự quy ước về khái niệm dành cho các chúng sanh.

Ví dụ như này là người, như này là súc sanh,…

275. Phương hướng chế định

Là sự quy ước về khái niệm dành cho phương hướng.

Ví dụ như thế này thì là hướng Tây, Đông, trên, dưới, ra, vào,…

276. Thời gian chế định

Là sự quy ước về khái niệm dành cho thời gian.

Ví dụ như này là năm nào, tháng nào, mùa nào,…

277. Hư không chế định

Là sự quy ước về khái niệm dành cho các khoảng trống.

Ví dụ như thế này là cái hang, như thế kia là cái giếng, lỗ,…

278. Hình tướng chế định

Còn gọi là tiêu biểu chế định, là các ký hiệu ám thị cho một điều gì đó, như lá cờ đại diện cho quốc gia, logo đại diện cho một thương hiệu,… ngoài ra còn một loại hình tướng chế định khác là sơ tướng, quang tướng trong thiền.